

SỐ 1513

KINH THÍCH
NĂNG ĐOẠN KIM CANG BÁT-NHÃ
BA-LA-MẬT-ĐA

Bồ-tát Vô Trước viết kệ tụng.

Bồ-tát Thế Thân viết lời bình luận giải thích.

Hán dịch: Đời Đường – Tam Tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh.

QUYỂN THƯỢNG

*Văn nghĩa thứ lớp của Kinh này
Không trí tuệ sáng, không hiểu nổi
Chúng con cúi đầu trước giáo pháp
Vô biên công đức thân này được
Đây đủ phước đức nên kính lạy
Tôn thờ giáo pháp trên đỉnh đầu
Cửa giác khó vào, Ngài đến được
Hết lòng giúp ích, khắp chúng sinh.*

Kinh nói: Có khả năng làm lợi ích tối thắng. Đây là nói với hàng Bồ-tát đã thành thực, nên có thể phó chúc những điều tối thắng, đây là nói với hàng Bồ-tát chưa thành thực. Vì sao đối với các Bồ-tát, lợi ích tối thắng lại là những điều phó chúc tối thắng? Để giải câu hỏi này, tụng nói:

*Lợi ích hơn, nên biết
Cho mình và người thân
Được, chửa được, không thoái*

Là phước chúc tối thắng.

Vì có lợi ích cho chính bản thân Bồ-tát và cũng có khả năng làm cho những người thân thuộc cùng loại với Bồ-tát đó, cũng được lợi ích nên gọi là lợi ích tối thắng. Và giúp cho chính thân người ấy, được thành thực Phật pháp và thâm phục chúng sanh. Tức là bản thân họ được lợi ích mà còn dạy bảo, hóa độ các người khác, cũng đủ sức thực hiện để mọi việc được thành tựu. Ấy là làm cho những kẻ thân thuộc có được lợi ích. Nên biết như thế.

Còn đối với những người (Bồ-tát) chưa được những công đức cần có thì làm cho họ không thoái lui nhân tu hành, qua sự gần gũi gửi gắm của Thiện tri thức. Thế nên, không dùng phước chúc cao quý mà cản dận cho nhau.

Trong đây có nói: “Được không thối”, là muốn làm cho người ấy, đừng bỏ pháp Đại Thừa- “Những ai chưa được thì chẳng thoái lui”; tức là làm cho họ ở trong pháp Đại thừa càng đặc biệt tiến phát cao hơn.

Còn những người phát tâm hướng đến hạnh Bồ-tát thừa thì phải trụ như thế nào? - Để giải đáp câu hỏi này, tụng nói:

*Nơi tâm Rộng, Tối thắng
Tột cùng-Không điên đảo
Ý vui làm lợi ích
Thừa này công đức đủ.*

Ở đây nói rõ nghĩa gì? - Là nếu Bồ-tát thực hiện bốn thứ ý vui làm lợi ích trước hết là phát tâm trụ, với đầy đủ ý vui Đại thừa thì mới gọi là công đức vẹn toàn.

Bốn ý vui làm lợi ích là gì? - Đó là:

1. Ý (tâm) Rộng lớn.
2. Ý (tâm) Tối thắng.
3. Ý (tâm) Tột cùng.
4. Ý (tâm) Không điên đảo.

Kinh nói: “Các hữu tình phát tâm hướng đến Bồ-tát thừa (phát thú Bồ-tát), nên sinh tâm như thế”, “nói rộng ...đến...tất cả như thế”, đây là nói Ý vui rộng lớn làm lợi ích.

“Ta đều làm cho họ được chứng nhập Niết-bàn Vô dư mà diệt độ”, đây là nói Ý vui tối thắng làm lợi ích.

“Tuy độ vô lượng chúng sinh như thế...đến...chẳng gọi là Bồ-tát”, đây là nói Ý vui tột cùng làm lợi ích. Ý này là thế nào?

- Là nói, có bao nhiêu chúng sinh đều giúp họ (xem họ) đồng với Bồ-tát. Khi mình được vắng lặng tịch diệt rồi, thì mình và chúng sinh

(hữu tình) không khác chi nhau. Nếu còn ý tưởng cho chúng sinh có chỗ khác với mình, thì không được gọi là Bồ-tát. Còn như coi chúng sinh, chính là thể tánh của mình, tức là triệt để rốt ráo, cứ thế mà chẳng bỏ, thì gọi là Ý vui Tột cùng làm lợi ích.

Nếu Bồ-tát còn có tưởng về ta, tưởng chúng sinh, tưởng thọ giả và càng mong muốn hưởng về các tướng đó thì không gọi là Bồ-tát. Đây là nói Ý vui không điên đảo làm lợi ích. Đây là do thấy có thân mình, nên sinh ra tưởng có ta v.v.. Nếu đã đoạn dứt hết các tướng đó rồi, thì không còn điên đảo nữa.

Sau đây, sẽ trình bày rõ ràng về các hữu tình phát tâm hướng đến Bồ-tát thừa, nên tu hành như thế. Kinh nói: “Bồ-tát chẳng trụ vào sự khi bố thí...” Cho đến “nên bố thí như thế”, trong đấy có ý gì? Chỉ dùng một tiếng “Thí” mà gồm hết cả sáu pháp Đáo Bỉ Ngạn (Ba-la-mật) kia vậy? - Đáp:

*Sáu độ đều là Thí
Tài-Vô úy-Pháp thí
Theo thứ tự như thế
Là tu hành không trụ.*

Ở đây nói sáu pháp Ba-la-mật đều gồm có tướng bố thí. Tánh chất của bố thí này là gồm Tài thí, Vô úy thí và Pháp thí.

1. Tài thí đứng đầu-tức là bố thí.

2. Vô úy thí, cũng gọi là Giới-Nhẫn. Đối với chỗ không thù oán thì là giới Ba-la-mật. Đối với nơi có thù oán thì là Nhẫn Ba-la-mật vì chẳng làm cho họ sợ, tức là vô úy thí.

3. Pháp thí tức là Tinh tấn-Định-Tuệ v.v.. Nói pháp cho người quên mệt mỗi tiếng lười là Tinh tấn Ba-la-mật. Hiểu rõ tâm tình người nghe pháp, là Định Ba-la-mật, và giảng nói pháp Như thật là Tuệ Ba-la-mật. Chính đấy là chỗ tu hành của bậc Đại Bồ-tát, tức là dùng một chữ Thí mà bao gồm cả sáu hạnh.

Kinh nói: “Bồ-tát chẳng trụ nơi sự mà bố thí” như thế v.v.. Trong đó, nói tính không trụ là gì? - Tụng đáp:

*Không trụ chấp tự thân
Báo ân và quả báo.*

“Nói không trụ vào sự”, đây muốn chỉ rõ là không tham đắm vào thân mình: “Không trụ tùy thuận chỗ nào mà bố thí”, đấy là chỉ rõ không tham đắm ở sự đền ân bằng lợi dưỡng và cung kính v.v.. Cầu ân mong lợi cũng có lắm sự nhiều cách, cho nên nói “không nên tùy thuận chỗ nào mà bố thí”. - “Không trụ vào sắc v.v..” tức là chẳng tham đắm

quả báo. Hỏi: Vì sao phải không trụ vào đâu khi bố thí? Tụng đáp:

*Để lìa tâm chẳng khởi
Và lìa các hạnh khác.*

Ở đây chỉ rõ, do chỗ nghĩ tự thân, nên không hành bố thí. Vì muốn họ lìa bỏ việc không khởi tâm bố thí, nên nói: Chớ nên tham đắm thân mình, mà phải bố thí nhanh chóng. Do tâm mong cầu báo ân và quả báo, nên từ bỏ quả vị Chánh Giác Bồ-đề, là cũng vì tham đắm vào các việc khác mà hành bố thí. Thế nên cần phải từ bỏ sự mong cầu các việc khác mà hành bố thí.

Sau đây, sẽ nói việc hàng phục (làm chủ) tâm mình, việc đó như thế nào? Tụng nói:

*Thâu phục cả ba thứ
Với tướng, tâm dứt bỏ
Các nghi hoặc sau này
Tùy sanh đều trừ hết.*

Kinh nói: “Bồ-tát nên hành bố thí như thế”.. cho đến ... “cũng không nên chấp trước vào các tướng tướng”. Đây là nói rõ vật được xả bỏ, người nhận và người bố thí. Đối với ba thứ đó, tâm không có ý tưởng tham đắm.

Từ đó, nói về lợi ích của việc bố thí. Có người nghi vấn: Đã nói khi bố thí phải lìa bỏ các tướng; tại sao lại còn nói bố thí được nhiều phước đức, lợi ích? Vì giải đáp điều này nên nói: “Sanh phước đức rất nhiều”.

Hỏi: Vì sao sau khi tuyên nói về tu hành không nói rõ tướng trạng phước lợi, mà mãi đến phần dưới sau mới nói đến? - Đáp: Vì muốn làm rõ, nếu người không chấp vướng tướng về tướng thì mới có thể thực hành hạnh bố thí không chấp trụ được.

Tiếp theo từ đây kinh nói đều là để dẹp trừ lần lượt từng nghi hoặc sau. Nhân đó có điều nghi, hỏi: Nếu đã không chấp trước vào pháp mà hành bố thí, thì như thế nào hành bố thí cầu quả vị Chánh giác tối thắng vậy? Để đáp điều nghi ngờ này, kinh nói: “Ông nghĩ sao? Có thể lấy thân tướng đẹp để để nhìn thấy Như Lai không”? Như thế cho đến nói rộng.

Tụng nói:

*Nếu cùng tập hợp tạo
Diệu tướng chẳng thắng tướng
Ba tướng, luôn đổi khác
Không chúng là Như Lai.*

Nếu cho: Như Lai là do các nhân duyên như bố thí v.v... lành tạo nên, ở trong tướng hữu vi, được tánh tối thắng, thì sẽ thấy Như Lai có hình tướng tối thắng. Nhưng nếu hướng về tánh Chân như Như Lai thì Như Lai tức là không có tướng tối thắng này. Do vậy, không nên lấy tướng vi diệu tối thắng mà quán xét Như Lai. Vì Pháp thân Như Lai không phải do Tập (hữu vi) biểu lộ.

Tiếp, kinh nói: “Vì sao? Vì Như Lai nói tướng tối thắng ấy ...” nghĩa là kệ nói: ba tướng luôn dời đổi khác”. Do đó “tướng tối thắng đó tức chẳng phải tướng tối thắng”. Ở đây ý muốn nói, thể của ba tướng là luôn chuyển dời đổi khác.

“Nầy Diệu Sinh! (Tu-bồ-đề) Những tướng tối thắng có được hết thấy đều là giả dối. Cho nên, phải dùng tướng tối thắng chẳng phải tướng mà quán xét Như Lai”. Ý muốn nói, vì từ nhân sinh ra các pháp đều là giả dối, nên là không có. Đây nói Như Lai, tức là Như Lai hoàn toàn không có ba thứ tướng đó. Vì là tướng này, nên lấy vô tướng làm tướng. Nếu người có thể hiểu rõ Như Lai không có tánh sinh-trụ-diệt-biến dị tức không là tánh nhân duyên hữu vi tạo tác mà thành thì như vậy là đã hiểu rõ tánh Như Lai.

Cho nên tuy cầu quả Phật mà bố thí, nhưng không phải là chấp pháp mà bố thí. Vậy là đã trừ bỏ các điều nghi.

Tiếp theo, Diệu Sinh lại nghi vấn: Nếu thực hành bố thí không trụ tướng thì nhân ấy thật rất sâu xa. Tiếp nói Như Lai là tánh vô vi thì quả đó lại rất sâu xa. Như thế, người đời sau này, làm sao tin được? Khiến quả báo kia không luống uổng? Để trừ nghi này, Tụng nói:

*Nhân và quả rất sâu
Nói ở thời ác kia
Chẳng phải không lợi ích
Bồ-tát ba thù thắng.*

Giả sử ở đời mạt pháp, nhưng vẫn có Bồ-tát đầy đủ ba thứ Giới, Đức và Tuệ thù thắng. Do đây nói “lợi ích của quả pháp là không hề luống uổng”. Tụng tiếp nói:

*Do ở Phật trước đây...
Từng thọ trì Giới học
Và gieo trồng căn lành
Gọi là đủ Giới, đức.*

Kinh nói: “Nhưng vị Bồ-tát đó không phải chỉ tu hành, cung kính, phụng thờ một đức Phật; không phải chỉ gieo trồng căn lành từ một đức Phật”. Đây là chỉ rõ đời trước, được ở bên Phật, đã trì giới, đã tu hành,

đã cung kính hầu hạ và gieo trồng căn lành. Thứ lớp như vậy, người đó sẽ có đủ giới, đủ đức, tiếp đến là đủ tuệ. Tụng nói:

*Đoạn dứt hẳn ngã tướng
Và với cả pháp tướng
Đấy gọi là đủ tuệ
Hai bốn khác thành tám.*

Ý đây nói là ngã tướng có bốn, pháp tướng cũng có bốn nên thành tám tướng. Tụng nói:

*Thể riêng, liên tục khởi
Trụ đến hết tuổi thọ
Lại cầu sinh cõi khác
Ngã tướng có bốn thứ.*

“Ngã tướng có bốn thứ”: Tức là tướng về ngã, về hữu tình, về thọ giả, về cầu cõi khác. Bốn thứ đó chẳng đồng nhau. Đối với năm uẩn có khác, khi họp lại thì tạo nên loài hữu tình, rồi tự phân chia ra mà có ý tướng về ngã, Nó liên tục hoạt động tạo nên ý tướng về Hữu tình. (Tất đóa còn có nghĩa là hữu tình). Cho đến tuổi thọ vẫn còn thì tạo ý tướng về Thọ. Khi mạng căn đã dứt thì cầu chuyển sang một thân hữu sau, tạo thành tướng mong cầu một cõi khác. Về Pháp tướng thì có bốn. Tụng nói:

*Đều không, nên chẳng có,
Có, nên không thể nói
Nhân ngôn thuyết mà nói.
Pháp tướng có bốn thứ.*

Bốn thứ “Pháp tướng” gồm:

1. Tướng pháp
2. Tướng không pháp
3. Tướng
4. Vô tướng.

Tướng pháp là tướng có các pháp Năng thủ-Sở thủ. Vì các pháp đều không có nên tướng pháp không sinh, tức sinh tướng không pháp. Pháp chẳng phải có “kia không có tự tánh, nhưng vì tính không” là có cho nên không phải tướng không pháp. Đó là tướng. Tức pháp “chẳng” phải có “kia có cái tánh “chẳng phải có”. Lại vì không phải ngôn thuyết diễn đạt thành nên không phải tướng ấy. Đó là vô tướng nhưng cũng nhân nơi ngôn thuyết cho nên nói có, tức chẳng phải là vô tướng. Nhờ vào lực tướng, nên mặc dù chẳng phải ngôn thuyết đạt, mà lại nhờ ngôn thuyết diễn đạt. Cộng chung Ngã tướng-Pháp tướng thì có tám thứ chấp

không đồng. Do đoạn tám tưởng dứt hết cho nên gọi đó là người có đủ Tuệ.

Sao ý nghĩa này, chỉ nói đến người đầy đủ tuệ mà không nói tới những người đầy đủ giới hạnh, đầy đủ công đức? Đáp: Vì muốn làm sáng tỏ thật tướng, có những điều sai khác. Đó là những điều gì? Lời tụng nói:

*Do sức tin hiểu đó
Tin, nên sinh thật tướng
Không chấp như ngôn thuyết
Đó là giữ chánh thuyết.*

Do nghĩa này cho nên nói: Sau khi người ấy có đủ trí tuệ, thì mới nói có đủ khả năng phát sinh niềm tin, khi nghe kinh này. Do người có đủ trí tuệ thì chẳng chấp chặt như ngôn thuyết, hơn nữa do có trí tuệ tùy thuận theo thắng nghĩa (Đệ nhất nghĩa) nên giữ lấy làm chánh thuyết, gọi đó là thật tướng. Do lý này nên sau đó nói: Không nên chấp là pháp, cũng không nên chấp là chẳng phải pháp, không nên chấp như ngôn thuyết là pháp, lại cũng không chấp là phi pháp”. Do trí tuệ này tùy thuận thắng nghĩa, nên đó là giữ lấy đúng chánh pháp. Tức là kinh nói: Khi nghe nói kinh này, có sinh lòng tin thật hay không”? Kinh nói: “Này Diệu Sinh! Như Lai đều biết và thấy người ấy v.v..” Để làm rõ ý nghĩa gì? Tụng nói:

*Phật rõ quả không so
Do nguyện, trí mà biết.*

Những kẻ đã đầy đủ giới ấy, nếu được quả báo nào, Phật đều biết rõ, không cần so sánh mới biết, chính do hiện lượng của Nguyên Trí mà rõ. Nếu không nói là thấy, thì có người nói là so sánh mà biết. Nếu không nói là biết thì có người bảo Phật đã dùng nhục nhãn mà thấy. Thế nên, nói chung là biết và thấy. Tại sao Thế Tôn nói lời như thế? Tụng nói:

*Vì cầu lợi, cung kính
Ngăn người đó, tự nói.*

Những kẻ có đầy đủ giới kia, vì mong cầu lợi dưỡng và cung kính, mà tự khen công đức của mình, liền nghĩ: Như Lai đã nhìn thấy biết Ta từ xa. Vì điều này không thích hợp tự mình nói.

Kinh nói: “Này Diệu Sinh! Các hữu tình kia (Bồ-tát) kia đương sinh, đương thù góp vô lượng tụ phước tụ”. Đây có nghĩa gì? Ý nói làm cho phước đức ấy sẽ phát sinh, và chính phước đức đó sẽ được liên tục luân tập, phát triển, thêm mãi, không dứt.

Nói có ngã chấp v.v... là ý nói có tánh tùy miên, chứ chẳng phải là chấp hiện hành.

Kinh nói: “Thế nên, Như Lai kín đáo nói rằng: pháp môn như chiếc bè. Các người có trí tuệ, đối với pháp còn phải bỏ, huống là phi pháp. Trong đó có mật ý gì?”

Tụng nói:

*Chứng không trụ ở pháp
Vì là tùy thuận pháp
Cũng như bỏ chiếc bè
Mật ý đó! Nên biết.*

Nghĩa là, đối với các giáo pháp kinh điển, không phải là nơi an trụ khi đã chứng đạo Tăng thượng (đạo quả vô thượng) tức là đã chứng thì phải lìa bỏ pháp môn, như đã đến bờ thì phải bỏ lại chiếc bè kia. Hưởng về quả chứng tăng thượng thì phải tùy thuận pháp, tùy thuận giữ lấy, thâm nhận cũng như chưa đến bờ thì phải nương nhờ chiếc bè. Cho nên nói đó là mật ý. Hoặc cũng trên một chiếc bè đó, mà lúc nương, lúc bỏ, nên gọi đó là mật ý. Còn đối với các pháp không hợp lý, không đúng pháp chứng thì phải bỏ. Tiếp theo lại vì diệt trừ các điều nghi.

Vì sao như ở trên, văn kinh nói: Không nên lấy tướng thù thắng mà quán xét Như Lai? Vì Như Lai từ tánh Vô vi hiện lộ ra. Nếu như thế tại sao lại nói: Thích Ca Mâu Ni Như Lai đã chứng Vô Thượng Chánh đẳng Bồ-đề và có cả việc tuyên dương giảng nói giáo pháp. Nếu cứ theo lý trên vừa nói, thì Ngài đâu đã chứng Chánh Giác, cũng không có nói pháp. Giải đáp nghi này, Tụng nói:

*Thể Hóa Phật chẳng thật
Cũng không người nói pháp.*

Có ba loại thân Phật:

1. Pháp thân Phật
2. Thọ dụng thân Phật (Báo thân Phật)
3. Hoá thân Phật (ứng Phật)

Nói Phật Thích Ca Mâu Ni, đó là Hóa thân, thì đúng là không có chứng Chánh giác, cũng không có nói pháp độ sinh. Văn kinh lại nói: Vì sao? Vì Phật có nói pháp v.v.. Là vì muốn ngăn trừ bác bỏ hết thảy các việc thuyết pháp. Cho nên nói “Thể Hóa Phật chẳng thật, cũng chẳng có nói pháp”. Nhưng chẳng phải là không tất cả (tổng). Lời tụng nói:

*Thuyết pháp chẳng hai chấp
Sở thuyết lìa ngôn thuyết.*

Hai chấp đó là tánh pháp và tánh phi pháp. Đây ý nói chẳng có tai

có thể nghe, chẳng phải lời có thể nói. Thế nên phải biết. Đó là chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp. Đây là căn cứ vào đạo lý Chân như mà nói.

“Đó chẳng phải là pháp”, vì pháp đó thuộc tánh Vô vi, “cũng chẳng phải phi pháp”, là vì nó không có tự tánh, nên thể là có vậy. Tại sao, chỉ nói đến pháp sở thuyết, mà không nói đến người năng chứng? Đáp: Chỉ nói các pháp sở thuyết, thì nghĩa năng chứng tự hiển bày. Do chẳng phải không giác ngộ mà có được sở thuyết.

Kinh nói: Các Thánh giả đều từ chỗ vô vi mà hiển hiện; nói như vậy là để làm sáng tỏ cái tính nhân của pháp.

Vì các bậc Thánh nhân đều do pháp thanh tịnh Chân như mà được hiển bày, nên nói do Vô vi hiện ra, rồi trở lại nói đó là pháp Vô vi.

Phàm, có những sự việc, không thể nói ra được, thì làm sao có thể chấp lấy; do tự tánh của nó không phải chỗ vận hành của ngôn thuyết. Điều đó chỉ rõ, không phải là tánh của ngôn thuyết. Tại sao trong đây, lại không có những tách biệt rõ ràng, mà chỉ chung là Thánh nhân không chỉ nói riêng Phật? –Đáp: Đây là chỉ rõ Thánh nhân đều từ Chân như thanh tịnh mà hiển bày, là vì cũng có được một phần nào, trong toàn phần thanh tịnh và tùy theo nó tự ứng hiện ra, nên nói chung Thánh nhân không có lỗi gì. Còn nói phước đức kia có sai khác nhau, là muốn trình bày điều gì? Đáp: Pháp tuy thật là không thể chấp lấy tánh và chẳng thể nói, nhưng nó có lợi ích. Tụng nói:

Tự thọ vì người nói

Không tích phước vô ích!

Vì sao kinh nói: “Thế Tôn” Phước tụ này tức chẳng phải là phước tụ. Thế nên Như Lai nói là tụ phước tụ, phước tụ. Tụng nói:

Phước không giữ Bồ-đề

Hai thứ, giữ được cả.

Nói phước đối với Bồ-đề, không thể giữ gìn gánh vác được. Hai cái đó, đối với Bồ-đề là có thể giữ được. Ý của lời tụng gọi hai thứ đó là gì? Hai thứ đó là: Tự mình thọ trì và vì người khác giảng nói. Kinh nói: Chính tự mình thọ trì và nói cho kẻ khác nghe hiểu. Chưa biết lời nói đó, nêu ra ý nghĩa gì?

So chữ “Tụ” này (tiếng Phạm gọi là Tắc Kiến Đà, chữ này có rất nhiều nghĩa, gồm chứa nhóm, đồng, gánh vác, chia ra nhiều phần. Nếu y theo, Trung Quốc thì dịch thành là Tụ, chỉ có nghĩa là chứa nhóm, khối mà thôi, không có nghĩa nào khác. Ở đây tạm căn cứ vào hai nghĩa: Đây là người xưa chưa biết rõ tiếng Phạm nên dịch là tiến sâu vào

trở thành hơi xa nghĩa. Hơn nữa phải biết Tự nghĩa là chứa nhóm hay gánh vác, khi giải thích “tiến sâu vào” rất khó), có hai nghĩa:

1. Tích tụ.

2. Gánh vác, đảm trách. Cũng như lấy vai mà gánh vật nặng. Do lý đó, ở đây, gọi gánh vác là Tự (nhóm). Tích tụ phước đức nên gọi là phước tụ. Do vì không thể gánh vác đạo Bồ-đề, nên nói là không phải Tự. Tức chẳng phải là nghĩa gánh vác mà là nghĩa tích tụ.

Hai việc này, có thể làm nhân cho quả Bồ-đề, thì phước đức mới rất nhiều được.

Hỏi: Vì sao nói hai việc này, có thể gìn giữ, gánh vác quả Bồ-đề? Để trình bày nghĩa này, kinh nói: Vì sao Diệu Sinh! Vì chư Phật, Như Lai, Vô Thượng Bồ-đề, đều từ Kinh này mà ra v.v.. Vì sao với Bồ-đề thì nói là xuất (ra), mà với chư Phật, thì nói là sinh? Tụng nói:

*Được cái nhân tự tánh
Khác đấy, gọi là sinh.*

Nói Bồ-đề, tức là Pháp thân, đó là tánh Vô vi, cho nên gọi là tự tánh. Vì thế hai việc này, được làm nhân cho quả Bồ-đề, chứ không phải là sinh nhân. Nếu so với Hóa thân thọ dụng, thì đó là sinh nhân. Do đích thân có thể gánh vác, gìn giữ, đạo Bồ-đề, nên phát sinh ra phước đức rất nhiều.

Vì muốn nói rõ nghĩa đó, nên kinh nói: “Vì sao? Vì sao phải là điều này, mới lập nên nhân? Tụng nói:

*Chỉ là Phật pháp đó
Mới được phước tối thắng.*

Nói: “Như Lai nói là chẳng phải Phật pháp”. Ở đây ý nói, pháp giác ngộ chỉ có Phật mới chứng được, vì tánh bất cộng, nên gọi là tối thắng (tột bậc). Đó chính là tính nhân của phước đức tối thắng, sẽ nhận được phước đức rất nhiều. Ý chỉ rõ đây là cái nhân gần gũi, có thể tạo nên số phước đức cao cả.

Đoạn kinh trên có nói: Thánh nhân đều không phải do tập (nghiệp) biểu hiện thành, vì quả vị chứng được của các Thánh nhân, đều không thể giữ lấy, không thể nói. Những hàng Thánh nhân Dự Lưu v.v... đều luôn chấp chặt cái quả vị của mình. Như thế, thì làm sao việc đó không biến thành tánh chấp chặc được! Và đối với đối tượng chấp trước đó, mà nói ra, thì đó chẳng phải là tánh không thể nói. Nhưng vì để xua tan điều nghi này, nên phát sinh ở đoạn văn sau. Tức là làm sáng tỏ, lý không chấp vào quả vị mình chứng và pháp giữ lấy mà khéo thành tựu. Tụng nói:

*Không chấp quả vị mình
Chẳng thể chấp và nói.*

Do thuộc tánh Vô vi mà hiển hiện, nên đối với sáu cảnh giới, không có một chút pháp nào, có thể được. Đã không có pháp có thể dự để gọi là Dự lưu, cho đến bậc A-la-hán, cũng không có một pháp. Theo lý đều đồng với cái thể của pháp Vô vi này, thì không thể chấp là bậc Thánh nhân này; đối với quả vị của mình không chấp, cũng không nói.

Nếu bậc Thánh nhân nào nghĩ: “Ta đã được chứng quả”, tức là người ấy còn chấp ngã v.v... Ý nói, đây còn các hoặc, tùy miên, chứ không phải hiện hành. Do chưa chứng quả, nên khi quán tưởng, thì còn chấp ngã và cho là ta đã chứng. Như vậy, ý gì Diệu sinh tự cho mình được quả A-la-hán? Làm cho một phần hữu tình biết, mình đã được chứng quả. Rồi lại tự nói là ta đã trụ được vào quả vị Vô tránh? Vì muốn chỉ rõ chính mình, cùng với phước đức đi đôi ứng hợp nhau; là muốn cho người khác sinh lòng cung kính và tin tưởng. Vì ý sâu xa gì mà bảo: Trưởng lão Diệu Sinh không trụ vào đâu (vô sở trụ), mà nói là ta đã trụ được Vô tránh. Được trụ Vô tránh. Tụng nói:

*Giải thoát khỏi hai chướng
Nói Diệu Sinh Vô tránh.*

Hai thứ chướng đó là:

1. Phiền não chướng
2. Định chướng.

Ở đây đã thoát khỏi, không còn trụ vào hai chướng ấy nữa, đó là lời nhắc lại. Hai lần nói Vô tránh, tức là không có sự tranh dành.

Nhân đây có điều nghi: Thuở xưa, khi Thế Tôn ở chỗ Phật Nhiên Đăng, có pháp nào có thể chấp lấy chẳng? Ngài cũng vì người khác mà nói các yếu pháp? Vậy thì tại sao lại nói là đã được chứng mà không thể giữ lấy, không thể nói. Để trả lời thắc mắc đó, nên mới nói: Thật ra không có pháp nào mà Như Lai giữ lấy cả. Đây có ý gì? Tụng nói:

*Ở chỗ Phật Nhiên Đăng
Nói không giữ pháp chứng.*

Đây là nói đức Thế Tôn khi ở chỗ Phật Nhiên Đăng, cũng chẳng hề có lời nào nói về chứng pháp cả. Tụng nói:

*Do đầy pháp chứng thành
Chẳng sở thủ-sở thuyết.*

Nếu nói các Thánh nhân đều do pháp Vô vi hiện bày ra, thì pháp đó chẳng phải là sở thủ, cũng chẳng phải là sở thuyết thì sao các Bồ-tát nhận lấy trang nghiêm cõi nước Phật? Vả lại thân thọ dụng như vậy,

làm sao lại tự cho mình là Pháp Vương, chúng sinh đối với Ngài cho là Pháp Vương? Vì để dẹp bỏ nghi này nên mới có ý trong văn tiếp sau. Tụng nói:

*Trí lưu tánh Duy thức
Cõi nước chẳng sở chấp.*

Do không thật có cõi Phật để mình trang nghiêm và chấp lấy, trừ trường hợp từ Tịnh Trí của chư Phật soi chiếu hiện ra trong thức. Đây tức chẳng thể có chỗ để chấp lấy. Nếu bảo rằng thật có hình tướng vật chất, là tánh có thể nhận lấy, ta sẽ thành tựu được cõi nước trang nghiêm, thì đó là nói dối. Như Lai nói, đó chẳng phải là trang nghiêm. Do đấy mà nói là cõi nước trang nghiêm hơn cả. Điều này có nghĩa gì? Tụng nói:

*Không hình tướng nên hơn
Chẳng nghiêm thuận trang nghiêm.*

Nói trang nghiêm, có hai nghĩa:

1. Hình tướng.
2. Thắng tướng.

“Tối thắng này” là Đệ nhất nghĩa. Đây là do không có hình chất; cho nên trang nghiêm cõi Phật, chẳng phải là trang nghiêm. Vì đó chẳng phải là trang nghiêm chân thật, nên nói đó là tối thắng. Vì tập hợp các pháp thù thắng đó nên gọi là tối thắng. Nếu chấp có cõi Phật, có hình tướng đẹp đẽ, trang nghiêm, và cho là ta sẽ thành tựu nó... tức là đối với cảnh giới của sắc v.v.. tâm đã vướng mắc. Để vì ngăn ngừa cái thấy đó, nên mới có từ ngữ “chẳng trụ”. Hỏi: Vì sao Báo thân thọ dụng Phật lại tự cho mình là Pháp vương, người cũng bảo thế?

Để giải đáp câu hỏi khó này, nên lấy thân thọ dụng mà dụ đồng với núi Diệu Cao. Lời văn đó, muốn nói rõ nghĩa gì?

Tụng nói:

Ví như núi Diệu Cao

Không chấp thân thọ dụng

Như núi chúa Diệu Cao, được coi là to lớn, đẹp nhất trong các núi, nên gọi là Diệu Cao, nhưng chẳng tự chấp cho mình là núi Chúa, vì núi không có tính phân biệt. Báo thân thọ dụng Phật cũng như thế, vì đầy đủ tánh chất của Pháp Vương, do có được tính chất tôn quý hơn hết, nên gọi là Đại thắng; nhưng không tự chấp lấy tánh Pháp Vương của mình, không có phân biệt ta là Pháp Vương.

Như thế nào, mới được gọi là không phân biệt? Để chỉ rõ ý nghĩ đó, nên văn kinh nói: “Như Lai nói là chẳng phải thân, do đó chẳng phải có, mới nói là có thân”. Điều này có ý gì? Tụng nói:

*Chẳng phải tánh hữu lậu Cũng không do
nhân tạo.*

Nhưng Báo thân thọ dụng, chẳng phải là tánh hữu lậu, do đó chẳng phải là có thân, mới nói là có thân. Nó do tự thể trong sáng tinh khiết, thuần tịnh, mà có cũng không phải do nhân tạo ra, thân này không phải là nhờ các nhân duyên khác sanh ra. Tại sao trước đây, khi hiển bày tánh chất phước đức, đã nói đến thí dụ đó. Nay sao lại còn nói? Tụng nói:

*Hiển bày nhiều sai khác Và dễ thành thù
thắng
Phước trước sau khác nhau Lại cần thêm thí
dụ.*

Trước đã ví dụ ba ngàn thế giới là để chỉ rõ phước đức rất nhiều. Nay nói vô số ba ngàn, là để chỉ số đó càng rộng lớn. Vì sao trước đây chẳng nói thí dụ này?

Vì kẻ thọ nhận sự giáo hóa, nghe pháp ưa thích có khác nhau, nên có ý nói trước ít, sau nhiều dần. Phước trước có nhiều sai khác, nên không nói đến nhân thành lập. Vì phước đức đối với đạo Bồ-đề, không có ý sử dụng để gánh vác giữ gìn. Nay muốn nói rõ tướng nhân mà nó có thể lập nên, do vậy phải lấy ví dụ riêng để tùy việc mà nói.

